TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10- PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:101/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 9 năm 2026
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Vân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Học;

Bà Bùi Thị Kim Thanh;

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thúy, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10- Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10- Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2026/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2026 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L1, sinh năm 2001; CCCD số: 026301003041; Địa chỉ: Thôn N, xã V, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1986; CCCD số: 026086005610; Địa chỉ: Thôn X, xã V, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/06/2026 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị L1 trình bày:

Chị kết hôn với anh L ngày 11/3/2025, vợ chồng kết hôn tự nguyện tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chấn Hưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc nay là xã Vĩnh An, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị ra ở riêng tại nhà đất của gia đình anh L, thời gian đầu vợ chồng sống tình cảm bình thường, đến cuối tháng 12 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng vào đầu năm 2026 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống L2 thân từ đó cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được L2 hôn với anh L.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh thừa nhận chị L1 trình bày về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống là đúng, theo anh L nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L1 không biết chăm sóc con, chị lại thường xuyên bỏ về nhà bố mẹ đẻ không có lý do, chị L1 không lo vun vén hạnh phúc gia đình. Nay chị L1 xin L2 hôn anh hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Chị L1 và anh L xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Cẩm L2, sinh ngày 08/12/2025. Hiện cháu L2 đang ở cùng anh L. Chị L1 hiện đang làm công nhân tại Khai Quang Vĩnh Yên với mức lương từ 12.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng /tháng. Anh L hiện làm thợ cắt tóc tại nhà, thu nhập hàng tháng cũng khoảng 15 đến 20 triệu đồng. L2 hôn chị L1 và anh L đều xin nuôi con và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị L1 và anh L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Án lệ số 54/2022/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin L2 hôn của nguyên đơn .

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình L2 hôn giữa chị Lê Thị L1 và anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Cẩm L2, sinh ngày 08/12/2025 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị L1, anh L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị L1 tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị L1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được L2 hôn anh Nguyễn Văn L, anh L có nơi cư trú tại xã Vĩnh An, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L1 và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau ngày 11/3/2025 trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn do luật định nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống lối sống, tính cách không hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng sống L2 thân từ tháng 01/2026 đến nay. Chị L1 và anh L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình L2 hôn. Tòa án căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình L2 hôn cho anh chị theo quy định của pháp luật cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị L1 và anh L đều thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Cẩm L2, sinh ngày 08/12/2025. Hiện nay cháu L2 đang ở cùng anh L. Ly hôn, anh L và chị L1 đều có nguyện vọng muốn nuôi con và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng xin nuôi con của các bên là chính đáng, tuy nhiên xét thấy cháu L2, sinh ngày 08/12/2025 đến nay mới được 09 tháng 03 ngày tuổi còn quá nhỏ nên cần sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương của người mẹ. Khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con….". Xét thấy, hiện nay chị L1 hoàn toàn khỏe mạnh, đi làm công ty với mức lương thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng từ 12.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng, đủ đảm bảo việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung được tốt. Hơn nữa cháu L2 còn quá nhỏ và là con gái nên việc giao cho anh L nuôi dưỡng chăm sóc không tiện và đảm bảo bằng chị L1. Phía anh L nguyện vọng muốn nuôi con vì do mẹ đẻ chị L1 (bà ngoại) đem trả cháu L2 cho mẹ đẻ anh L (bà nội) nuôi dưỡng nên anh không đồng ý cho chị L1 nuôi con là không có căn cứ. Tại phiên tòa cũng như lời khai của các đương sự đều khẳng định mẹ chị L1 (bà ngoại) tự ý mang trả cháu L2 cho mẹ anh L (bà nội) chứ không phải chị L1 trực tiếp mang trả. Hơn nữa sau khi mang trả con chị L1 thường xuyên sang xin đón con nhưng anh L và gia đình anh L không đồng ý cho chị L1 đón. Điều này đồng nghĩa quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giao con cho anh L theo Án lệ số 54/2022/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07/9/2022 không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Sở dĩ án lệ số 54/2022 xác định quyền nuôi con dưới 36 tháng tuổi cho người cha trong trường hợp người mẹ tự ý bỏ đi từ khi con được 04 tháng tuổi, không quan tâm đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con. Trong vụ án này quyền nuôi con dưới 12 tháng tuổi phải thuộc về người mẹ theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình là đúng quy định. Vì vậy, yêu cầu xin nuôi con của chị L1 có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị L1, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí L2 hôn sơ thẩm: Chị L1 tự nguyện nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình L2 hôn giữa chị Lê Thị L1 và anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị L1 được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu cháu Nguyễn Cẩm L2, sinh ngày 08/12/2025. Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị L1 nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí L2 hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000332 ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả chị L1 150.000 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6 và 7 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 10- Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
-UBND xã Vĩnh An- Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Vân Hồng